

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**
Số 273/ CV-CT

V/v Công bố thông tin BCTC
riêng giữa niên độ cho giai
đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30/06/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
 2. Mã chứng khoán: SMB
 3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk.
 4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Văn Dũng
 6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung bao gồm: Báo cáo của Ban Điều hành, Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của Công ty Kiểm toán KPMG, Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30/06/2026, Báo cáo KQKD riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026, Báo cáo LCTT cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026, Thuyết minh BCTC riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026.
 - 6.2 Các nội dung giải trình: Không phát sinh giải trình do lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo biến động không quá 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo không có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán soát xét biến động không quá 5%.

Báo cáo giải trình này được gửi kèm với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2026 để giải trình theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: biasaigonmt.com
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT 



Người ký: CÔNG TY
CỔ PHẦN BIA SÀI
GÒN - MIỀN TRUNG
Email:
sonhn@biasaigonmt.com
Thời gian ký: 19.08.2026
15:19:29 +07:00

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Dũng



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3503000233

4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008

ngày 30 tháng 6 năm 2026

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 30 tháng 6 năm 2026. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Ông Phạm Văn Phong
Ông Đoàn Tiến Dũng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Tỉnh Đắk Lắk, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2026 được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-04-00026-26-2



Nguyễn Thủy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		710.077.437.624	674.078.093.214
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	113.600.652.773	285.734.404.825
Tiền	111		14.600.652.773	14.734.404.825
Các khoản tương đương tiền	112		99.000.000.000	271.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		240.621.068.496	111.639.802.742
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	240.621.068.496	111.639.802.742
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.153.967.860	56.365.751.912
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	47.930.734.048	48.974.051.137
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.420.224.903	2.055.689.510
Phải thu ngắn hạn khác	135	11	1.879.005.238	6.411.783.711
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	12	(1.075.996.329)	(1.075.996.329)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	223.883
Hàng tồn kho	140	13	215.795.189.130	184.228.237.952
Hàng tồn kho	141		215.795.189.130	184.228.237.952
Tài sản ngắn hạn khác	160		86.906.559.365	36.109.895.783
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		3.561.208.130	3.432.234.548
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	163		3.911.235	3.911.235
Tài sản ngắn hạn khác	165	19	83.341.440.000	32.673.750.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		357.174.106.732	369.631.978.164
Tài sản cố định	220		257.032.510.494	277.212.130.218
Tài sản cố định hữu hình	221	14	254.205.904.792	273.937.619.008
Nguyên giá	222		1.615.053.892.483	1.611.252.309.246
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.360.847.987.691)	(1.337.314.690.238)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.826.605.702	3.274.511.210
Nguyên giá	228		5.851.724.374	5.851.724.374
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.025.118.672)	(2.577.213.164)
Bất động sản đầu tư	240	16	5.602.305.090	5.774.727.042
Nguyên giá	241		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.193.532.981)	(4.021.111.029)
Tài sản dở dang dài hạn	250		539.950.957	176.336.991
Xây dựng cơ bản dở dang	252	17	539.950.957	176.336.991
Đầu tư tài chính dài hạn	260		39.011.941.821	39.011.941.821
Đầu tư vào công ty con	261	9(b)	38.036.081.821	38.036.081.821
Đầu tư vào công ty liên kết	262	9(b)	975.860.000	975.860.000
Tài sản dài hạn khác	270		54.987.398.370	47.456.842.092
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	18	52.976.680.476	45.446.124.198
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		2.010.717.894	2.010.717.894
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.067.251.544.356	1.043.710.071.378

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		431.756.452.593	422.765.871.304
Nợ ngắn hạn	310		419.231.224.623	395.163.376.834
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	66.863.730.027	37.858.612.885
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.642.318.736	35.529.326.845
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	21	20.227.603.112	10.342.841.927
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	314	22	110.617.508.840	131.644.463.193
Phải trả người lao động	315		28.260.727.083	35.582.906.530
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	23	15.854.206.903	1.900.184.646
Doanh thu chờ phân bổ	319	24	787.500.000	262.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	25	7.606.156.660	6.545.062.453
Vay ngắn hạn	321	26	132.592.212.276	134.122.498.485
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	28	4.779.260.986	1.374.979.870
Nợ dài hạn	330		12.525.227.970	27.602.494.470
Phải trả dài hạn khác	338		2.599.405.000	2.548.905.000
Vay dài hạn	339	26	-	15.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343	27	9.925.822.970	10.053.589.470
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400	29	635.495.091.763	620.944.200.074
Vốn cổ phần	411	30	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	124.139.705.745	115.545.344.745
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		212.876.671.325	206.920.140.636
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		141.659.695.636	154.419.507.203
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	420b		71.216.975.689	52.500.633.433
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.067.251.544.356	1.043.710.071.378

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	644.791.938.274	605.500.032.811
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	459.998.230.704	447.533.059.363
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		184.793.707.570	157.966.973.448
Doanh thu hoạt động tài chính	22	36	8.161.605.917	7.880.461.211
Chi phí tài chính	23		2.149.989.444	1.867.517.237
Trong đó: Chi phí đi vay	24		2.129.020.194	1.864.491.480
Chi phí bán hàng	25	37	55.154.693.680	33.032.091.022
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	47.856.253.373	41.939.024.441
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		87.794.376.990	89.008.801.959
Thu nhập khác	31		1.520.296.684	1.083.159.730
Chi phí khác	32		239.869.598	1.078.232.929
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.280.427.086	4.926.801
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		89.074.804.076	89.013.728.760
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	17.857.828.387	17.949.588.408
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		71.216.975.689	71.064.140.352

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thành Nguyên
 Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:




Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	89.074.804.076	89.013.728.760
Khấu hao và phân bổ	02	25.531.863.463	25.279.070.893
Các khoản dự phòng	03	-	219.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(56.559.213)	(352.487.059)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(8.080.592.075)	(7.944.996.446)
Chi phí đi vay	06	2.129.020.194	1.864.491.480
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	108.598.536.445	108.078.807.628
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(50.558.533.596)	17.765.260.793
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(31.566.951.178)	14.803.922.399
Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	35.654.320.198	29.124.990.010
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12	(7.659.529.860)	(2.977.520.795)
		54.467.842.009	166.795.460.035
Chi phí đi vay đã trả	14	(2.306.649.897)	(1.641.607.156)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.850.963.185)	(27.469.803.080)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.566.244.000	307.270.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.249.729.384)	(20.458.548.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.373.256.457)	117.532.770.893

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
		Mã số	Thuyết minh
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.395.615.666)	(19.712.871.114)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	53.263.889	426.781.831
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(217.000.000.000)	(153.000.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn thu về	24	89.000.000.000	46.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(15.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia/cổ tức	27	12.017.469.993	19.602.463.372
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(123.324.881.784)	(121.683.625.911)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	482.769.540.058	498.725.789.635
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(499.299.826.267)	(523.239.105.581)
Tiền chi trả cổ tức	36	(19.961.886.815)	(44.786.390.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.492.173.024)	(69.299.706.517)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(172.190.311.265)	(73.450.561.535)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	285.734.404.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	56.559.213	352.487.059
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	113.600.652.773

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:

Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:

Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở Chính của Công ty nằm ở số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai chi nhánh trực thuộc tại phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk (“Chi nhánh Phú Yên”). Hoạt động chính của các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên chi nhánh	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Quy Nhơn	Sản xuất và kinh doanh bia	Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Chi nhánh Phú Yên	Sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết	265 Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đắk Lắk và tất cả các chi nhánh (sau đây gọi chung là “Công ty”).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2026: 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên kết) như được liệt kê dưới đây:

			% Tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	30/6/2026	1/1/2026
Công ty con trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh bia, rượu và các loại đồ uống	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Dịch vụ Bia Phú Yên	Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh bia, rượu và đồ uống	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	In ấn	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 439 nhân viên (1/1/2026: 445 nhân viên).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 4(b));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c)(i));
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Thuyết minh 4(l));

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được áp dụng theo Thông tư 99, được mô tả ở Thuyết minh số 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản tiền và tương đương tiền hạn chế sử dụng được ghi nhận ở tài sản ngắn hạn khác trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản tiền và tương đương tiền hạn chế sử dụng được ghi nhận trong khoản mục tiền và tương đương tiền.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi dồn tích phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày cùng với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu dồn tích được trình bày trong khoản phải thu khác (Thuyết minh 4(d)).

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(c), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu dồn tích từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong khoản phải thu khác.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 25 năm
--------------------------	-------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 30 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được trình bày trong mục cổ tức phải trả trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh 4(I)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được trình bày trong khoản phải trả khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm khi quyền nhận cổ tức của các cổ đông được xác lập và nghĩa vụ thanh toán cổ tức của Công ty trở nên vô điều kiện.

Theo Thuyết minh 4(k), có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được trình bày trong mục cổ tức phải trả trên báo cáo tình hình tài chính.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Doanh thu cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất, kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ phát sinh. Trường hợp chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, thì các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ/năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban lãnh đạo cho rằng các bộ phận này không bị biến động theo mùa.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc các ước tính cùng kỳ của năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tiền mặt	449.732.940	737.731.808
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (a)	14.150.919.833	13.996.673.017
Các khoản tương đương tiền (b)	99.000.000.000	271.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	113.600.652.773	285.734.404.825

(a) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	9.585.724.880	8.149.918.432
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.731.856.297	3.401.564.859
Tiền gửi không kỳ hạn khác tại ngân hàng	1.833.338.656	2.445.189.726
	14.150.919.833	13.996.673.017

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(b) Các khoản tương đương tiền

	Loại tiền	Lãi suất	Kỳ hạn gốc (tháng)	30/6/2026	1/1/2026
				VND	VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	VND	4,75%	3	33.000.000.000	78.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	VND	4,75%	3	20.000.000.000	47.000.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	4,75%	3	18.000.000.000	13.000.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,75%	2	10.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	VND	4,75%	2 - 3	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn khác tại ngân hàng	VND	4,75%	3	8.000.000.000	83.000.000.000
				99.000.000.000	271.000.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		30/6/2026		1/1/2026	
				(Phân loại lại)	
Loại tiền	Lãi suất	Giá gốc/Giá trị có khả năng thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc/Giá trị có khả năng thu hồi VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại:					
▪ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	8,20% - 8,80%	105.640.928.766	-	31.002.136.987	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	4,75% - 8,70%	78.081.312.328	-	28.659.287.671	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	7,50% - 7,60%	25.688.383.562	-	3.018.172.603	-
▪ Tiền gửi có kỳ hạn khác tại ngân hàng	5,60% - 8,50%	31.210.443.840	-	48.960.205.481	-
		240.621.068.496	-	111.639.802.742	-



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2026				1/1/2026			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào:								
Công ty con								
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	Không áp dụng	100%	-	23.036.081.821	(*)	100%	23.036.081.821	-
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Phú Yên	Không áp dụng	100%	-	15.000.000.000	(*)	100%	15.000.000.000	-
				38.036.081.821			38.036.081.821	-
Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần In - Thương Mại Phú Yên	120.513	20%	-	975.860.000	(*)	20%	975.860.000	-
				39.011.941.821			39.011.941.821	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	26.668.307.160	-	39.166.065.023	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Phú Yên	10.366.873.389	-	1.960.174.710	-
Các khách hàng khác	10.895.553.499	(641.492.329)	7.847.811.404	(641.492.329)
	47.930.734.048	(641.492.329)	48.974.051.137	(641.492.329)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Các công ty con				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Phú Yên	10.366.873.389	-	1.960.174.710	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	3.987.090.841	-	-	-
Các bên liên quan khác				
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	26.668.307.160	-	39.166.065.023	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	2.079.868.818	-	2.198.276.621	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	6.482.630	-	17.860.150	-

Khoản phải thu từ các công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu lãi tiền gửi	514.821.918	1.050.026.030
Phải thu về lợi nhuận được chia	-	4.413.917.557
Phải thu khác	1.364.183.320	947.840.124
	1.879.005.238	6.411.783.711

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2026		1/1/2026	
		Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn và khó có khả năng thu hồi					
Công ty TNHH MTV Thương mại Chiến Kim Anh	Hơn 3 năm	641.492.329	(641.492.329)	641.492.329 (641.492.329)	-
Công ty TNHH Quốc Minh E.C.M	Hơn 3 năm	434.504.000	(434.504.000)	434.504.000 (434.504.000)	-
		1.075.996.329	(1.075.996.329)	1.075.996.329 (1.075.996.329)	-

Trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025, không phát sinh biến động đối với khoản dự phòng phải thu khó đòi.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua				
đang đi đường	2.998.800	-	244.500.000	-
Nguyên vật liệu	107.919.592.672	-	88.992.807.490	-
Công cụ và dụng cụ	58.335.008.344	-	56.474.607.458	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	23.623.258.136	-	23.534.104.664	-
Thành phẩm	25.876.760.269	-	14.982.218.340	-
Hàng hóa	37.570.909	-	-	-
	215.795.189.130	-	184.228.237.952	-

Nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm trên cơ sở các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (bao gồm, nhưng không giới hạn, sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp và các tiêu thức phù hợp khác) nhằm đảm bảo việc trình bày giá thành sản phẩm một cách hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	275.501.511.508	1.301.967.149.618	24.126.128.620	8.430.198.561	1.227.320.939	1.611.252.309.246
Tăng trong kỳ	-	1.634.112.000	1.302.925.926	-	-	2.937.037.926
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	2.257.402.024	-	33.910.000	-	2.291.312.024
Thanh lý	-	(1.426.766.713)	-	-	-	(1.426.766.713)
Số dư cuối kỳ	275.501.511.508	1.304.431.896.929	25.429.054.546	8.464.108.561	1.227.320.939	1.615.053.892.483
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	177.838.252.846	1.134.288.180.724	16.626.705.087	7.527.190.565	1.034.361.016	1.337.314.690.238
Khấu hao trong kỳ	6.019.993.266	18.050.591.607	682.742.425	148.202.655	10.006.050	24.911.536.003
Thanh lý	-	(1.378.238.550)	-	-	-	(1.378.238.550)
Số dư cuối kỳ	183.858.246.112	1.150.960.533.781	17.309.447.512	7.675.393.220	1.044.367.066	1.360.847.987.691
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	97.663.258.662	167.678.968.894	7.499.423.533	903.007.996	192.959.923	273.937.619.008
Số dư cuối kỳ	91.643.265.396	153.471.363.148	8.119.607.034	788.715.341	182.953.873	254.205.904.792

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá 984.381 triệu VND (1/1/2026: 978.672 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 54.196 triệu VND (1/1/2026: 60.843 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 26).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	445.533.038	5.030.536.436	375.654.900	5.851.724.374
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	2.347.497.713	229.715.451	2.577.213.164
Khấu hao trong kỳ	-	427.990.020	19.915.488	447.905.508
Số dư cuối kỳ	-	2.775.487.733	249.630.939	3.025.118.672
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	445.533.038	2.683.038.723	145.939.449	3.274.511.210
Số dư cuối kỳ	445.533.038	2.255.048.703	126.023.961	2.826.605.702

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá 980 triệu VND (1/1/2026: 979 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định vô hình trọng yếu đang sử dụng:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phần mềm ứng dụng Braumat của Siemens	1.063.076.568	1.247.959.446
Phần mềm lập trình phục vụ nâng cấp hệ thống điều khiển	846.418.094	993.621.236
Quyền sử dụng đất	445.533.038	445.533.038
Phần mềm quản trị doanh nghiệp dành cho các doanh nghiệp tự vận hành của Bia Sài Gòn Miền Trung	318.484.959	410.184.957
Tài sản cố định vô hình khác	153.093.043	177.212.533
	2.826.605.702	3.274.511.210

16. Bất động sản đầu tư

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	3.194.644.090	3.367.066.042
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	5.602.305.090	5.774.727.042



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.021.111.029
Khấu hao trong kỳ	172.421.952
Số dư cuối kỳ	4.193.532.981
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.367.066.042
Số dư cuối kỳ	3.194.644.090

Các bất động sản đầu tư chủ yếu được nắm giữ để thu tiền cho thuê:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà kho cho thuê	2.421.499.069	2.543.591.455
Xưởng sản xuất mùn cưa cho thuê	390.659.648	406.080.422
Tòa nhà văn phòng	333.881.801	358.613.783
Các bất động sản đầu tư khác nắm giữ để cho thuê	48.603.572	58.780.382
	3.194.644.090	3.367.066.042

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

**Quyền
sử dụng đất
VND**

Số dư đầu kỳ và cuối năm

2.407.661.000

Các bất động sản đầu tư chủ yếu nắm giữ để chờ tăng giá:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Quyền sử dụng đất theo P051672	2.000.000.000	2.000.000.000
Quyền sử dụng đất theo O390040	407.661.000	407.661.000
	2.407.661.000	2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	176.336.991	11.045.168.644
Tăng trong kỳ	2.654.925.990	17.607.984.137
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	(2.291.312.024)	(10.384.620.083)
Số dư cuối kỳ	539.950.957	18.268.532.698

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Máy rửa kết nhựa dùng cho chai 1 lít	263.382.685	-
Hệ thống đường ống thu gom men thải từ các bồn lên men A và B	97.671.281	-
Các công trình khác	178.896.991	176.336.991
	539.950.957	176.336.991

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	20.433.438.062	9.123.302.175	10.395.914.115	5.493.469.846	45.446.124.198
Tăng trong kỳ	9.224.202.360	7.614.398.039	-	2.741.668.850	19.580.269.249
Thanh lý	(250.222.152)	-	-	-	(250.222.152)
Phân bổ trong kỳ	(6.452.752.575)	(3.534.518.853)	(222.604.116)	(1.589.615.275)	(11.799.490.819)
	22.954.665.695	13.203.181.361	10.173.309.999	6.645.523.421	52.976.680.476



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Tiền gửi ngân hàng hạn chế sử dụng	83.341.440.000	32.673.750.000

Khoản tiền gửi ngân hàng bị hạn chế sử dụng không thể đưa vào sử dụng do đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay cấp cho Công ty (Thuyết minh số 26).

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	12.687.680.556	3.125.946.569
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.069.241.820	4.509.535.421
Các nhà cung cấp khác	50.106.807.651	30.223.130.895
	66.863.730.027	37.858.612.885

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	1.233.335.080	606.467.100
Các bên liên quan khác		
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	5.957.092.867	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	4.182.834.572	3.157.102.826
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	801.900.000	583.200.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	39.117.093	71.258.904
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SA BE CO	28.728.000	64.713.600

Khoản phải trả cho các công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả cổ tức

	Thời hạn thanh toán	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
	Từ tháng 6 năm 2026 đến tháng 8 năm 2026		
Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt		9.741.403.550	-
Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt (*)	Trước năm 2026	10.486.199.562	10.342.841.927
		20.227.603.112	10.342.841.927

(*) Tại ngày lập báo cáo, các khoản cổ tức phải trả này là các khoản cổ tức chưa được một số cổ đông
thiếu số nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

22. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.770.653.795	102.953.110.064	(31.836.262.991)	(71.263.549.591)	12.623.951.277
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	49.360.298	-	(49.360.298)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	82.023.904.394	435.116.223.029	-	(432.563.644.073)	84.576.483.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.034.179.382	17.857.828.387	-	(41.850.963.185)	12.041.044.584
Thuế thu nhập cá nhân (*)	758.243.645	4.032.651.256	-	(3.726.168.359)	1.064.726.542
Tiền thuế đất, thuế đất	-	3.942.958.153	-	(3.643.726.898)	299.231.255
Các loại thuế khác	57.481.977	373.020.459	-	(418.430.604)	12.071.832
	131.644.463.193	564.325.151.646	(31.836.262.991)	(553.515.843.008)	110.617.508.840

(*) Trong thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong kỳ có 31.972.542 VND liên quan đến thu nhập từ cổ tức của các cổ đông là cá nhân.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí hoạt động marketing	4.033.873.676	-
Chi phí quản lý chung	2.128.455.816	-
Chi phí tham quan học tập	1.808.241.998	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.498.802.215	-
Thương hiệu quả tiêu thụ	545.148.000	-
Phí kiểm toán	301.000.002	290.000.000
Thường tiết kiệm chi phí đi vay	300.000.000	-
Chi phí đi vay	143.803.785	468.967.734
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.094.881.411	1.141.216.912
	15.854.206.903	1.900.184.646

24. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ phản ánh các khoản thanh toán trước tiền thuê của khách thuê tại ngày lập báo cáo.

25. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Quỹ công tác xã hội	1.350.406.326	658.974.548
Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	970.283.439	227.005.015
Nhận ký quỹ ngắn hạn	801.700.000	965.759.297
Phải trả ngắn hạn khác	4.483.766.895	4.693.323.593
	7.606.156.660	6.545.062.453

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

26. Vay ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ		30/6/2026	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	134.122.498.485		482.769.540.058	(499.299.826.267)	117.592.212.276	
Vay dài hạn đến hạn trả	-		15.000.000.000	-	15.000.000.000	
	134.122.498.485		497.769.540.058	(499.299.826.267)	132.592.212.276	

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	6,3%	49.827.490.138	73.535.916.598
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	4,0% - 4,7%	67.764.722.138	60.586.581.887
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bía Phú Yên (iii)	VND	4,00%	15.000.000.000	-
			132.592.212.276	134.122.498.485

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 80.000 triệu VND và chịu mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ mỗi ba tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 43.713 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 48.896 triệu VND) (Thuyết minh 14) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“VietinBank”) - Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu đồng và chịu mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ hằng tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng tiền gửi ngân hàng trị giá 3.180.000 USD (tương đương 83.341.440.000 VND) (1/1/2026: 1.250.000 USD, tương đương 32.673.750.000 VND) (Thuyết minh 19). Thời hạn thanh toán tối đa của từng khoản giải ngân là 6 tháng kể từ ngày giải ngân.
- (iii) Khoản vay này là khoản vay tín chấp, được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty và được thanh toán toàn bộ khi đáo hạn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

27. Dự phòng dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu kỳ	10.053.589.470
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(127.766.500)
Số dư cuối kỳ	<u>9.925.822.970</u>

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động trong kỳ của quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.374.979.870	577.054.386
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 29)	25.960.000.000	24.090.000.000
Tăng khác	1.566.244.000	307.270.000
Sử dụng trong kỳ	(24.121.962.884)	(20.370.188.906)
Số dư cuối kỳ	<u>4.779.260.986</u>	<u>4.604.135.480</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	298.466.480.000	12.234.693	106.839.717.745	188.085.697.203	593.404.129.641
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	71.064.140.352	71.064.140.352
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	8.705.627.000	(8.705.627.000)	-
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(24.090.000.000)	(24.090.000.000)
				(870.563.000)	(870.563.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	298.466.480.000	12.234.693	115.545.344.745	225.483.647.555	639.507.706.993
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	100.823.085.081	100.823.085.081
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	(119.386.592.000)	(119.386.592.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	298.466.480.000	12.234.693	115.545.344.745	206.920.140.636	620.944.200.074
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	71.216.975.689	71.216.975.689
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.594.361.000	(8.594.361.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	(25.960.000.000)	(25.960.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	(29.846.648.000)	(29.846.648.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(859.436.000)	(859.436.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	298.466.480.000	12.234.693	124.139.705.745	212.876.671.325	635.495.091.763



Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

31. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 10 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 149.233 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025, trong đó 119.387 triệu VND đã ứng trước cho cổ đông năm 2025 (năm 2025: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 119.387 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-DHCD ngày 10 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 8.594 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 8.706 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

33. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Thời gian ổn định đơn giá thuê đất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Lô đất 1	31/12/2056	31/12/2025	3.844.888.079	4.272.097.865
Lô đất 2	31/01/2058	30/01/2028	7.088.428.800	9.326.880.000
Lô đất 3	31/12/2048	31/12/2024	900.224.325	555.180.470
Lô đất 4	31/12/2048	31/12/2024	356.081.591	219.260.628
Lô đất 5	31/12/2048	31/12/2024	1.930.970.869	1.187.942.080
Lô đất 6	31/12/2048	31/12/2024	521.803.879	321.305.703
Lô đất 7	31/12/2048	31/12/2024	222.842.813	113.812.296
Lô đất 8	10/10/2036	31/05/2026	41.884.186	62.474.210
Lô đất 9	10/10/2036	09/10/2026	61.431.052	121.946.202
Lô đất 10	10/10/2036	05/03/2025	230.178.854	46.596.548
Lô đất 11	10/10/2036	31/05/2026	300.909.218	448.834.445
Lô đất 12	10/10/2036	31/05/2026	96.312.498	143.659.175
			15.595.956.164	16.819.989.622

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.187.944	83.549.638.902	1.360.714	35.577.419.220
EUR	225	6.627.119	461	14.132.684
		83.556.266.021		35.591.551.904

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2026 Số lượng	1/1/2026 Số lượng
Bia Lowen 330	Két	410	685

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hoá	619.020.609.167	575.323.754.981
▪ Cung cấp dịch vụ	9.170.959.144	14.962.496.607
▪ Doanh thu khác	16.600.369.963	15.213.781.223
	644.791.938.274	605.500.032.811

35. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn hàng đã bán	452.213.808.984	439.997.929.992
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	722.943.340	1.614.756.268
▪ Giá vốn khác	7.061.478.380	5.920.373.103
	459.998.230.704	447.533.059.363

36. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.075.856.349	7.517.860.265
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.559.213	352.487.059
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.190.355	10.113.887
	8.161.605.917	7.880.461.211

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.276.585.312	2.213.411.494
Chi phí khấu hao và phân bổ	228.782.622	228.782.622
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	4.409.007.362	2.611.094.996
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	22.422.342.829	16.223.668.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.111.166.292	7.248.176.776
Chi phí bán hàng khác	7.706.809.263	4.506.956.785
	55.154.693.680	33.032.091.022

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.764.657.472	20.454.728.861
Chi phí thuê	4.489.082.495	3.923.247.864
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.815.538.150	1.898.432.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.344.543.844	2.077.931.828
Chi phí quản lý khác	17.442.431.412	13.584.683.261
	47.856.253.373	41.939.024.441



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	363.392.797.129	344.127.102.293
Chi phí nhân công và nhân viên	70.706.108.251	66.584.321.258
Chi phí khấu hao và phân bổ (*)	25.531.863.463	25.279.070.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.124.100.617	38.965.385.845
Chi phí khác	65.853.983.406	46.231.511.397

(*) Trong kỳ, chi phí khấu hao và phân bổ đã bao gồm khấu hao các tài sản phục vụ sản xuất điện năng lượng mặt trời và giếng khoan với số tiền lần lượt là 533.057.904 VND và 197.821.512 VND.

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	17.814.960.815	17.802.745.753
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	42.867.572	146.842.655
	17.857.828.387	17.949.588.408

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	89.074.804.076	89.013.728.760
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.814.960.815	17.802.745.753
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	42.867.572	146.842.655
	17.857.828.387	17.949.588.408

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ		
Bia Quy Nhơn		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	302.172.663.021	283.124.032.523
Bán phụ tùng thay thế	512.728.773	467.419.679
Mua dịch vụ	1.664.881.200	2.970.835.255
Mua khác	111.814.565	769.228.000
Nhận cổ tức	4.413.917.557	14.969.800.367
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.318.532.815	769.228.000
Chuyển phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	365.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ		
Bia Phú Yên		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	63.326.766.467	44.322.924.062
Cung cấp dịch vụ	7.670.762.750	156.000.000
Mua khác	52.710.000	22.050.001
Chi phí lãi vay	297.534.245	66.575.342
Chuyển phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	585.000.000	-
Góp vốn	-	15.000.000.000
Khoản vay đã nhận	-	15.000.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	8.515.500.000	3.791.000.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán bia thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	169.714.893.811	197.495.245.253
Bán hàng hóa khác	33.280.000	167.829.960
Mua nguyên vật liệu	110.538.393.033	122.311.929.854
Cổ tức đã trả	-	14.426.044.500
Cổ tức phải trả	9.617.363.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	VND
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	158.981.400	158.981.400
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	294.202.900	433.328.454
Mua công cụ và dụng cụ	314.030.069	162.286.079
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco		
Mua công cụ dụng cụ	312.064.493	389.769.000
Mua tài sản cố định	468.750.000	-
Mua dịch vụ	-	1.696.760.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây – Chi nhánh nhà máy		
Cồn Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	440.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	43.423.876.064	31.850.490.121
Bán hàng hóa khác	2.471.329.299	1.829.381.992
Cung cấp dịch vụ	173.300.000	176.068.824
Nhận ký cược vỏ két	50.500.000	274.850.000
Mua hàng hóa	82.868.000	39.765.000
Mua nguyên vật liệu	8.957.139.940	7.789.537.078
Mua dịch vụ	22.716.469.103	13.596.031.603
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ban Điều hành		
<i>Lương và thưởng</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	451.080.000	410.100.000
Ông Võ Thanh Điền – Phó Tổng Giám đốc	300.060.000	332.820.000
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	48.000.000	48.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

42. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính	170.000.000	160.000.000

43. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi chính sách kế toán và áp dụng phi hồi tố. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Tiền	111	14.734.404.825	47.408.154.825
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	111.639.802.742	109.000.000.000
Phải thu khác	135	6.411.783.711	9.051.586.453
Tài sản ngắn hạn khác	165	32.673.750.000	-
Phải trả cổ tức	313	10.342.841.927	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	6.545.062.453	16.887.904.380

Phê duyệt, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Thanh Phúc
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:


Nguyễn Thành Nguyên
Kế toán Trưởng

Người đại diện theo pháp luật:


Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

